

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 02/2021/TLST – DS ngày 12 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (B)

Địa chỉ: Tháp B, 35 Hàng V, phường L, quận H, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc V - Giám đốc Chi nhánh B Thanh Hóa

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

- Bà Lê Kim L - Trưởng phòng khách hàng cá nhân;

- Ông Đặng Cẩm H - Phó Trưởng phòng Quản lý rủi ro;

Địa chỉ: Số 26 Đại lộ L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Ông Cao Văn N - sinh năm: 1958;

Địa chỉ: KP. Thành Thắng, P. Quảng Cư, TP. Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H - sinh năm: 1958;

Địa chỉ: khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP Đ (B) và ông Cao Văn N (vợ là Nguyễn Thị H) ký kết hợp đồng tín dụng hai khoản vay như sau:

Khoản vay thứ nhất: Tại hợp đồng tín dụng số 01/7134445/2015/HĐTD ký ngày 14/10/2015, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 10/5/2016, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 16/3/2017, với số tiền là: 16.790.000.000đ (mười sáu tỷ bảy trăm chín mươi triệu đồng), thời hạn vay vốn: 192 tháng kể từ ngày 04/12/2015 đến ngày 04/12/2031. Mục đích vay đóng mới tàu cá vỏ thép nghề lưới chum, lãi suất vay theo Điều 4 hợp đồng tín dụng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, gốc + lãi trả vào ngày 25 hàng quý. Quá trình vay vốn ông N, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 25/3/2017.

Tính đến ngày 25/3/2021 ông N và bà H còn nợ ngân hàng TMCP Đ theo hợp đồng tín dụng số 01/7134445/2015/HĐTD ký ngày 14/10/2015, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 10/5/2016, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 16/3/2017 số tiền là: 19.812.691.405đ (mười chín tỷ tám trăm mười hai triệu sáu trăm chín mươi một nghìn bốn trăm lẻ năm đồng), trong đó nợ gốc là: 15.967.510đ; nợ lãi trong hạn là: 3.365.633.364đ; nợ lãi quá hạn: 479.548.041đ.

Ông N và bà H phải thanh toán cho ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền trên theo lộ trình như sau:

Chậm nhất đến ngày 25/6/2021, trả tối thiểu là: 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*), trừ vào số tiền gốc.

Chậm nhất đến ngày 25/9/2021, trả tối thiểu là: 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*), trừ vào số tiền gốc.

Chậm nhất đến ngày 25/12/2021, trả tối thiểu là: 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*), trừ vào số tiền gốc.

Kể từ năm 2022 trở đi ông N và bà H thanh toán tối thiểu là 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng cuối quý cho đến khi thanh toán hết toàn bộ gốc và lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo thỏa thuận mà hai bên đã ký theo hợp đồng tín dụng số 01/7134445/2015/HĐTD ký ngày 14/10/2015, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 10/5/2016, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 16/3/2017 mà hai bên đã ký cho đến khi thanh toán hết.

Khoản vay thứ hai: Tại hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2016/7134445/HĐTD, ngày 01/12/2016 với số tiền cam kết cho vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức là 1.000.000.000đ (*một tỷ đồng*), ngân hàng đã thực hiện giải ngân theo hợp đồng tín dụng cụ thể với tổng số tiền là: 875.000.000đ (*tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng*), thời hạn vay là 06 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động khai thác biển, lãi suất vay: 6,5% /năm cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, lãi suất quá hạn: Bằng 130% lãi suất vay trong hạn, thay đổi lãi suất: Lãi suất vay thay đổi theo qui định của B Thanh Hóa, hình thức trả: Lãi trả vào ngày 25

hàng tháng, gốc trả vào ngày đáo hạn. Đến ngày 12/12/2017, ông N và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 25/3/2021 ông N và bà H còn nợ ngân hàng TMCP Đ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2016/7134445/HĐTD, ngày 01/12/2016 với tổng số tiền là: 866.008.968đ (*tám trăm sáu sáu triệu không trăm lẻ tám nghìn chín trăm sáu tám đồng*), trong đó nợ gốc: 667.000.000đ; nợ lãi trong hạn: 2.074.658đ; nợ lãi quá hạn: 196.934.310đ.

Ông N và bà H có trách nhiệm thanh toán một lần toàn bộ số tiền trên cho ngân hàng Đ cả gốc + lãi chậm nhất vào ngày 30/6/2021 và tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 26/3/2021 cho đến khi thanh toán hết

Về xử lý tài sản đảm bảo: Nếu ông N và bà H vi phạm bất cứ đợt thanh toán nào theo cam kết trả nợ trên thì ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo cho khoản vay để thu hồi toàn bộ số nợ là:

- 01 tàu cá vỏ thép nghề lưới chụp theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 651/16; số đăng ký tàu cá TH-93386-TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản – Sở NN và PTNT tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 19/12/2016, mẫu thiết kế LC-01.08, máy chính ký hiệu YANMAR – 6AYM-WET – công suất 829CV chủ tàu là ông Cao Văn N, thuộc sở hữu của ông Cao Văn N và bà Nguyễn Thị H theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/7134445/2015/HĐTD ký ngày 14/10/2015, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 10/5/2016, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 16/3/2017.

- Đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất: Hai bên thống nhất, ông Cao Văn N và bà Nguyễn Thị H tự nguyện bán toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, bên ông N bà H phối hợp với ngân hàng thuê 02 công ty thẩm định giá độc lập (do bên ngân hàng B Thanh Hóa chỉ định) để định giá tài sản, giá bán tài sản không thấp hơn mức giá cao nhất giữa giá trị do ngân hàng định giá và kết quả định giá của công ty định giá độc lập.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Đồng ý cho ông N bà H tự bán tài sản chậm nhất đến ngày 30/6/2021, toàn bộ số tiền thu được do bán tài sản sẽ thanh toán toàn bộ số nợ cho ngân hàng, số dư còn lại được trả tiếp vào khoản vay dài hạn.

Trường hợp ông N bà H vi phạm cam kết trên thì ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/7134445 ngày 14 tháng 10 năm 2015 giữa ngân hàng B chi nhánh Thanh Hóa và ông Cao Văn N, bà Nguyễn Thị H.

Về án phí: Ông Cao Văn N và bà Nguyễn Thị H thuộc trường hợp người cao tuổi. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông N và bà H. Trả lại cho ngân hàng Đ (B) số tiền tạm ứng án phí là: 64.000.000đ (*sáu mươi bốn triệu đồng*) theo biên lai thu số: AA/2019/0004187 ngày 11/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát TP. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP.Sầm Sơn
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng